

Số: 67/BC-KCN

Bắc Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2016

Báo cáo
Sơ kết 5 năm thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020

Thực hiện văn bản số 184/SKHĐT-VX ngày 16/6/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang về việc báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh; Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang báo sơ kết 5 năm thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực tại các KCN như sau:

I. VIỆC TRIỂN KHAI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CỦA TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2011- 2020

1. Công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và Khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP; Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011- 2020; Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Ban Quản lý các KCN Ban hành kèm theo Quyết định số 131/2009/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang. Hằng năm, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang đều xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trong các KCN với mục đích: Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực trong các KCN và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực những năm tiếp theo giúp các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề và các cơ sở đào tạo nghề có sự điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu nhân lực thực tế; đồng thời nâng cao sự phối hợp của các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ sở đào tạo, các cơ quan có liên quan trong việc phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao kịp thời đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp KCN.

2. Kết quả thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh trong các KCN

Giai đoạn 2011-2015, các KCN có thêm 94 doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng 30.843 lao động (trong đó lao động nữ là 22.030 lao động). Lũy kế đến hết năm 2015, các KCN có 156 doanh nghiệp đi vào hoạt động sử dụng 47.218 lao động (lao động người nước ngoài là 760 lao động, lao động nữ là 34.054 lao động chiếm 72,12%), thu nhập bình quân của người lao động 5,2 triệu đồng/người/tháng.

Năm	Tổng số DN sản xuất	Tổng số lao động	LĐ người địa phương		Lao động nữ		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	
2011	68	25.309	20.646	87,57	18.391	72,66	
2012	88	35.229	27.627	78,42	26.889	76,32	
2013	109	37.710	29.888	79,26	29.002	76,91	
2014	136	45.782	-	-	34.604	75,58	
2015	156	47.218	-	-	34.054	72,12	

Phần lớn lao động tập trung làm việc trong các doanh nghiệp FDI (43.709 lao động, chiếm 92,6%). Lực lượng lao động trẻ có độ tuổi trung bình từ 18 - 27 tuổi. Nhân lực lao động trong các KCN có 2 loại hình nhân lực đó là: nhân lực phổ thông và nhân lực chất lượng cao. Nhân lực phổ thông hiện tại vẫn chiếm số đông, do một số doanh nghiệp lớn tuyển nhiều lao động phổ thông để thực hiện công việc lắp ráp, gia công các sản phẩm, trong khi đó tỷ lệ nhân lực chất lượng cao lại chiếm tỷ lệ thấp, chi tiết tổng hợp qua các năm như sau:

STT	Trình độ đào tạo	Lao động năm 2011	Lao động năm 2012	Lao động năm 2013	Lao động năm 2014	Lao động năm 2015	Ghi chú
I	Lao động đã qua đào tạo	4.559	6.814	8.405	13.098	15.098	
1	Trên đại học	53	55	55	2.546	2.992	
2	Đại học	466	1.064	1.100			
3	Cao đẳng	462	661	1.800	2.467	2.969	
4	Cao đẳng nghề	223	556	700			
5	Trung cấp chuyên nghiệp	485	1.106	1.150	2.777	2.647	
6	Trung cấp nghề	533	533	600			

7	Sơ cấp nghề	2.337	2.839	3.000	5.308	6.490	
II	Chưa qua đào tạo	20.750	28.415	29.305	32.684	32.120	
Tổng (I+II)		25.309	35.229	37.710	45.782	47.218	

Như vậy, số lao động đã qua đào tạo ở các doanh nghiệp có chiều hướng tăng. Năm 2011, các doanh nghiệp sử dụng lao động đã qua đào tạo là 4.559 lao động, chiếm 18,1%. Năm 2012, các doanh nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 6.814 lao động, chiếm 19,3%. Năm 2013, các doanh nghiệp khu công nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo là 8.405 lao động, chiếm 22,3% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2012 là 1.591 lao động. Năm 2014, các doanh nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 13.098 lao động, chiếm 28,6% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2013 là 5.053 lao động. Năm 2015, các doanh nghiệp đã sử dụng lao động qua đào tạo là 15.098 lao động, chiếm 32% tổng số lao động và tăng hơn so với năm 2014 là 2.000 lao động. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo với trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề ngắn hạn chiếm số lượng lớn, số lượng lao động được đào tạo bài bản, có trình độ cao vẫn chưa nhiều. Thực tế, số lượng lao động đã qua đào tạo cao hơn 32%, do một số doanh nghiệp khi tuyển dụng lao động phổ thông họ không yêu cầu lao động cần phải có trình độ chuyên môn nên nhiều lao động khi nộp hồ sơ và trong quá trình tuyển dụng họ không khai báo về trình độ chuyên môn của mình đã được đào tạo, nên chỉ tiêu về lao động đã qua đào tạo chưa đạt kế hoạch đề ra.

3. Thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh.

3.1. Thuận lợi:

Được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp giữa các Ngành chức năng trong việc thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực.

3.2. Khó khăn:

- Chất lượng đào tạo nhân lực còn thấp, hầu hết các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp FDI không đánh giá cao chất lượng của các chương trình dạy nghề hiện nay. Họ thường đào tạo thêm cho những lao động sau khi tuyển dụng vì kỹ năng và kiến thức thấp hơn so với yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

- Số lượng lao động được tuyển của các doanh nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp chưa cao, chưa được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật, đặc biệt là pháp Luật lao động. Số lao động được đào tạo có thể đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp về số lượng, nhưng đa số trình độ đào tạo và ngành nghề đào tạo của người lao động chưa đáp ứng hoặc chưa phù hợp với ngành nghề của các doanh nghiệp.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KCN TRONG NHỮNG NĂM TỚI.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2015-2020, nâng cao hiệu quả của Trung tâm dịch vụ KCN trong việc tư vấn giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp KCN;

- Phối hợp với các ngành tổ chức có hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, vận động thu hút các dự án đầu tư vào các ngành và lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ chất lượng cao như: công nghiệp phần mềm, điện tử và tin học, sản xuất các thiết bị tự động hóa, sản phẩm cơ khí chế tạo, sản xuất các thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, thiết bị điện, linh kiện điện tử, các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao... chú trọng thu hút các nhà đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các đối tác đầu tư lớn, các dự án đầu tư có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, có khả năng đóng góp lớn vào ngân sách và sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;

- Kịp thời nắm bắt tình hình sử dụng và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp KCN, để xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của năm và 5 năm theo ngành nghề, giới tính, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông tin cho các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh có định hướng đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp KCN;

- Phối hợp với các ngành chức năng và các cơ sở dạy nghề tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực giáo dục và dạy nghề, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động cho người sử dụng lao động và người lao động; nâng cao công tác quản lý nhà nước về pháp luật lao động đối với các doanh nghiệp KCN;

- Thực hiện tốt công tác tư vấn pháp luật miễn phí cho người lao động, thông qua các kênh: Trung tâm giới thiệu việc làm, Trung tâm trợ giúp pháp lý.

Trên đây là báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2020 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;

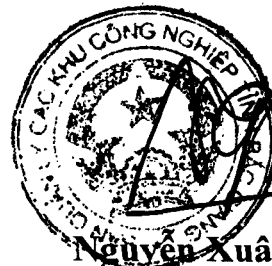
- Lưu: VT, LĐ.

Bản điện tử:

- phong_vx_skhdt@bacgiang.gov.vn;

- Lãnh đạo Ban.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Xuân Ngọc